

-느니

thà ... còn hơn; thà rằng

Chọn giữa hai lựa chọn đều không tốt. Không cái nào hấp dẫn — câu nói rằng cái thứ hai là cái ít tệ hơn.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Động từ	-느니	기다리다 → 기다리느니
Kết thúc bằng ㄹ	≡ bị lược bỏ	만들다 → 만드느니
Từ thường đi kèm	차라리	기다리느니 차라리 걸겠다
Cả hai lựa chọn	không mong muốn	không cái nào hấp dẫn
So sánh trung tính	-는 것보다	걷는 것보다 낫다
Không bao giờ mang thì	chỉ gốc từ nguyên dạng	기다렸느니 là sai

Khi nào dùng

Gắn -느니 vào gốc động từ; ≡ bị lược bỏ, thành 만드느니. Không có thì phía trước. Dạng đầy đủ -느니 차라리 rất phổ biến, và 차라리 thường xuất hiện ở vế sau.

Cả hai lựa chọn đều không mong muốn. 여기서 기다리느니 차라리 걸어가겠어요 — chờ đợi thì tệ, đi bộ cũng mệt, nhưng đi bộ vẫn đỡ hơn.

Vì vậy, nó không phải phép so sánh trung tính. Để nói một lựa chọn đơn giản là tốt hơn, tiếng Hàn dùng -는 것보다.

Ngữ vực mang tính nhấn mạnh và hơi kịch tính, vì vậy nó xuất hiện trong lời phàn nàn và tục ngữ.

Ví dụ trong câu

- 1 여기서 기다리느니 차라리 걸어가겠어요.

Chờ ở đây thì thà tôi đi bộ còn hơn.
- 2 그렇게 대중 하느니 안 하는 게 나아요.

Làm cầu thả như thế thì thà đừng làm còn hơn.
- 3 사 먹느니 직접 만드는 게 낫겠어요.

Mua thì thà tự làm còn hơn.
- 4 이런 대우를 받느니 그만두겠습니다.

Bị đối xử như thế này thì thà tôi nghỉ việc còn hơn.
- 5 혼자 고민하느니 물어보는 게 빨라요.

Cứ khổ sở một mình thì hỏi luôn còn nhanh hơn.
- 6 늦게 만드느니 차라리 시켜 먹읍시다.

Nấu ăn muộn thế này thì thà gọi đồ ăn về còn hơn.

So sánh với

-는 것보다

-는 것보다 so sánh trung tính; -느니 mặc định cả hai lựa chọn đều không mong muốn và chọn cái ít tệ hơn.

걷는 것보다 빨라요. (nhanh hơn đi bộ) / 기다리느니 걸겠어요. (thà đi bộ còn hơn chờ)

-는 게 좋겠다

-는 게 좋겠다 là khuyên; -느니 bác bỏ một lựa chọn để chọn cái khác. Hai cấu trúc thường xuất hiện trong cùng một câu.

걷는 게 좋겠어요. / 기다리느니 걷는 게 좋겠어요.

-(으)ㄹ 바에야

Phiên bản mạnh hơn và mang tính văn chương hơn của cùng ý này, phổ biến trong thành ngữ và tục ngữ.

기다리느니 걸겠다. / 기다릴 바에야 걸겠다.

Lưu ý

- ✗ 이 식당이 좋으니 저 식당에 가느니 여기 갑시다.

○ 저 식당에 가느니 여기가 낫겠어요.

-느니 đặt lựa chọn bị bác bỏ trước và lựa chọn được ưu tiên sau. Nó không thể đơn giản mang nghĩa “vì.”
- ✗ 늦게 만들느니 시켜 먹읍시다.

○ 늦게 만드느니 시켜 먹읍시다.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ ≡ lược bỏ ≡ trước -느니, giống như trước -는 và -나.
- ✗ 이 영화가 재미있느니 저 영화를 보겠어요.

○ 저 영화를 보느니 이 영화를 보겠어요.

Cấu trúc này đi với động từ, và về đầu phải là lựa chọn bị bác bỏ.